

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam  
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT HĐND tỉnh (Báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP TU, VP ĐTBQH&HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, TH3.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
<b>I</b>	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
<b>1</b>	<b>Các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	<b>01</b>					
1.1	Các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128					
1.1.1.1	Xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	011281	Cục Thống kê	Sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15
1.1.1.2	Tổ chức Hội nghị triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	011282	Cục Thống kê	UBND các huyện, thành, thị	Năm 2022	Năm 2030	Các Hội nghị triển khai áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2	Các nhiệm vụ về đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					
1.2.1	Kiến toàn mô hình tổ chức; củng cố nhân lực thống kê Cục Thống kê	0123					
1.2.3.1	Kiến toàn mô hình tổ chức đối với Cục Thống kê	01231	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	- Kiến toàn mô hình tổ chức; - Kiến toàn các chức danh Lãnh đạo.
1.2.3.2	Củng cố nhân lực thống kê cho Cục Thống kê	01232	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	- Đề xuất bổ sung nhân lực; - Số lượng công chức làm công tác thống kê.
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Tuyển dụng nguồn nhân lực được đào tạo đúng chuyên ngành		Sở Nội vụ	Cục Thống kê	Năm 2022	Năm 2030	Văn bản định hướng tuyển dụng người làm công tác thống kê có chuyên ngành đào tạo là thống kê hoặc ngành gần chuyên ngành thống kê (VD: Công chức thống kê cấp cơ sở)
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê	0145					
1.4.1.1	Rà soát, đánh giá thực trạng người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn	01451	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Báo cáo rà soát thực trạng người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1.2	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng Hằng năm, 5 năm cho người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn	01453	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hằng năm; 5 năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, 5 năm
1.4.1.3	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch cho người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn	01454	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hằng năm	Số lớp đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức; số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng
1.4.1.4	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị	01455	Cục Thống kê	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Năm 2023	Năm 2030	Số lớp bồi dưỡng được tổ chức; Số lượng học viên tham dự các khóa bồi dưỡng
1.5.2	Hợp tác, liên kết với các tổ chức trong nước và quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Cục Thống kê			Hằng năm	Số lượng công chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng
2	<b>Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê</b>	<b>02</b>					
2.1	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.1.1	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223					
2.1.1.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Cục Thống kê		Năm 2025	Năm 2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.1.1.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn	02233	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Năm 2026	Năm 2030	Số các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn triển khai áp dụng các tiêu chuẩn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
							thống kê ban hành
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					
2.2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241					
2.2.1.1	Xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02411	Cục Thống kê		Năm 2024	Năm 2025	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.2.1.2	Tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02412	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Năm 2024	Năm 2025	Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.2.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Cục Thống kê	Năm 2024	Năm 2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.2.2.1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Cục Thống kê		Năm 2024	Năm 2030	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
<b>3</b>	<b>Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu</b>	<b>03</b>					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Năm 2022	Năm 2030	- Số lượng phần mềm được ứng dụng phục vụ thu thập thông tin thống kê từ hệ thống thông tin và dữ liệu hành chính của các cơ quan, đơn vị; - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	- Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành	03121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	Số lượng văn bản phối hợp giữa Cục Thống kê và các sở, ban, ngành về cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê được ban hành, cập nhật

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành	03122	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	Số lượng văn bản phối hợp giữa Cục Thống kê và các sở, ban, ngành về cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có được ban hành, cập nhật
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Triển khai tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	Số lượng các cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Triển khai tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê		Năm 2023	Năm 2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Triển khai ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	Số giải pháp thông minh (AI) được triển khai hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.1	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03145	Cục Thống kê		Năm 2023	Năm 2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4	<b>Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê</b>	<b>04</b>					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422					
4.1.1.1	Triển khai áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê	04221	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.1.1.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.1.1.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04223	Các sở, ban, ngành	Cục Thống kê	Năm 2022	Năm 2030	- Số phương án điều tra, kế hoạch khảo sát được ban hành để thu thập số liệu; - Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04311	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Năm 2022	Năm 2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04312	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về các chỉ tiêu kinh tế số, logistic
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432					
4.2.2.1	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê	04324	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng maket số liệu KTXH được chuẩn hóa theo phương pháp mới;</li> <li>- Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS);</li> <li>- Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội;</li> <li>- Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử ...</li> </ul>
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các sở, ban, ngành, địa phương để phổ biến thông tin thống kê	04411	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Thông tin thống kê được phổ biến trên mạng xã hội, phương tiện truyền thông, trang web của các sở, ban, ngành, địa phương
4.3.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	04412	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê, như: Tài liệu phổ biến thông tin thống kê ngành Hàng năm; Niên giám thống kê ...
4.3.1.4	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04414	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị			Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của Cục Thống kê, của Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị
4.3.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh	04415	Cục Thống kê		Năm 2022	Năm 2030	Quyết định Quy chế phổ biến, cung cấp thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh
<b>5</b>	<b>Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê</b>	<b>09</b>					
5.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2021-Năm 2030	091					
5.1.1	Xây dựng Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược	0911	Cục Thống kê	Sở Tài chính; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt
5.1.2	Đề xuất phân bổ, bố trí, kinh phí thực hiện Chiến lược	0912	Sở Tài chính	Cục Thống kê; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK 21-30 hàng năm được phân bổ cho các đơn vị thực hiện

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2	Hỗ trợ việc xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092	Cục Thống kê	Sở Tài chính; UBND các huyện, thành, thị	Theo hướng dẫn của TW	Năm 2030	Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thành, thị đề xuất triển khai thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được giao và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực địa phương
5.3	Hỗ trợ xây dựng, vận hành trung tâm dữ liệu thống kê tập trung	093	Cục Thống kê	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; UBND các huyện, thành, thị	Theo hướng dẫn của TW	Năm 2030	Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành, thị đề xuất triển khai thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được giao và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực địa phương
5.4	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094	Cục Thống kê	Sở Tài chính; UBND các huyện, thành, thị	Năm 2022	Năm 2030	Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thành, thị đề xuất thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được Tổng Cục Thống kê, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực địa phương
<b>II</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</b>						
<b>6</b>	<b>Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai Chiến lược</b>	10					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
6.1.1	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện CLTK21-30 cấp tỉnh	1012					
6.1.1.1	Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 cấp tỉnh	10121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Năm 2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh
6.1.1.2	Kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 cấp tỉnh	10122	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Năm 2026	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh
6.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
6.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	1022					
6.2.1.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh	10221	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Năm 2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh được ban hành
6.2.1.2	Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh	10222	Cục Thống kê	Như trên		Năm 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh được rà soát, điều chỉnh
6.3	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	103					
6.3.1	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 cấp tỉnh	1033	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Năm 2022	01 Hội nghị do UBND tỉnh chủ trì

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7	<b>Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện CLTK21-30</b>	11					
7.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
7.1.1	Triển khai áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
7.2	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
7.2.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị		Hàng năm	Báo cáo kết quả theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
7.2.2	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143					
7.2.2.1	Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương làm báo cáo sơ kết thực hiện CLTK21-30	11431	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	- Công văn hướng dẫn; - Báo cáo sơ kết của các sở, ban, ngành, địa phương.
7.2.2.2	Tổ chức sơ kết thực hiện CLTK21-30	11432	Cục Thống kê	Như trên	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Hội nghị được tổ chức và Báo cáo sơ kết thực hiện CLTK21-30 của địa phương
7.2.3	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144					
7.2.3.1	Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương làm báo cáo tổng kết thực hiện CLTK21-30	11441	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Công văn hướng dẫn; - Báo cáo tổng kết của các sở, ban, ngành, địa phương.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2.3.2	Tổ chức tổng kết thực hiện CLTK21-30	11442	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Hội nghị được tổ chức và Báo cáo tổng kết thực hiện CLTK21-30 của địa phương

---